



Member of IAF/PAC MLA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN *Certificate of Accreditation*

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VÀ KHỬ TRÙNG FCC
FCC CONTROL AND FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Location

Trụ sở chính/ Head office:

45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/
45 Dinh Tien Hoang Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Mã số/ Accreditation No.

VICAS 043 - PRO

**Được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và chứng nhận sản phẩm phù hợp
theo yêu cầu của tiêu chuẩn**

is accredited to operate audit and certification of Product. The Accredited

Certification Body meets the requirements of

ISO/IEC 17065: 2012

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Scope of Accreditation

Theo phụ lục kèm theo quyết định số 457.2017/QĐ-VPCNCL ngày 14/ 09/ 2017.

As in the accreditation schedule accompanied with accreditation decision

No 457.2017/ QD-VPCNCL dated 14th, September, 2017.

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



Ngày/ Date of Issue: 14/09/2017.

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: up to 21/10/2020.

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of Accreditation: 21/10/2014.

VŨ XUÂN THỦY

Số: 457.2017/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCHN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 1101/QĐ-TTg ngày 23/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về các tổ chức sự nghiệp thuộc bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-BKHCHN ngày 20 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tổ chức chứng nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VÀ KHỬ TRÙNG FCC

Có Hệ thống Chứng nhận sản phẩm (Product Certification System) phù hợp theo ISO/IEC 17065: 2012 với phạm vi công nhận trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức Chứng nhận được mang số hiệu: **VICAS 043 - PRO.**

Điều 3: Tổ chức Chứng nhận được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 21 tháng 10 năm 2020 và Tổ chức Chứng nhận sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 5: Quyết định này thay thế quyết định số 106.2015/QĐ-VPCNCL ngày 02 tháng 03 năm 2015.

Nơi nhận:

- TCCN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84) 4 37911552; Fax: (+84) 4 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 457.2017/QĐ-VPCNCL ngày 14 tháng 09 năm 2017
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ *in Vietnamese*: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VÀ KHỬ TRÙNG FCC

Tiếng Anh/ *in English*: FCC CONTROL AND FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 043 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

45 Dinh Tien Hoang street, Ben Nghe ward, district 1, Ho Chi Minh city

Tel: +8428 38297857

Fax: +8428 38290202

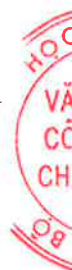
CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình dịch vụ/ *Conformity assessment - General requirements for bodies certifying products, processes and services.*

NGÀY CÔNG NHẬN/ Issue Status

Ngày 14 tháng 09 năm 2017

Dated





HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
8 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội; Tel: (+84) 4 37911552; Fax: (+84) 4 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận theo Phương thức 1b, 5, 6 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 7, 5, 6 theo thông tư số 28/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm, quá trình sau/

Certification in accordance with scheme 1b, 5, 6 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to scheme 7, 5, 6 of Circular 28/2007/TT-BKHCN dated 12 December 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products and processes:

**Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)/
*Vietnamese Good Agricultural Practices (VietGAP)***

Số TT No	Tên quá trình Process name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Certification scheme
1	Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả tươi an toàn <i>Vietnamese Good Agricultural Practice (VietGAP) for fresh fruit and vegetables</i>	48/2012/TT-BNNPTNT 379/QĐ-BNN-KHCN, 28/1/2008	HD-7.5 CN/01	6
2	Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho chè búp tươi an toàn <i>Vietnamese Good Agricultural Practice (VietGAP) for fresh tea</i>	48/2012/TT-BNNPTNT 1121/QĐ-BNN-KHCN, 14/4/2008		6
3	Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho lúa an toàn <i>Vietnamese Good Agricultural Practice (VietGAP) for rice</i>	48/2012/TT-BNNPTNT 2998/QĐ-BNN-TT, 9/11/2010		6
4	Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho cà phê <i>Vietnamese Good Agricultural Practice (VietGAP) for coffee</i>	48/2012/TT-BNNPTNT 2999/QĐ-BNN-TT, 9/11/2010		6



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84) 4 37911552; Fax: (+84) 4 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

Phân bón/ Fertilizer

Số TT No	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Certification scheme
1	Phân bón vô cơ/ Inorganic fertilizers	202/2013/NĐ-CP 28/2012/TT-BKHCHN 29/2014/TT-BCT	HD-7.5 CN/07	5, 7
2	Phân bón hữu cơ và phân bón khác/ Organic fertilizers and other fertilizers	202/2013/NĐ-CP 55/2012/TT-BNNPTNT 41/2014/TT-BNNPTNT		5, 7

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 21 tháng 10 năm 2020

This Accreditation Schedule is effective until , 20

CÔNG
NG.